

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 29/5/2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Cửu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử
công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 266/2023/TLST-DS ngày 21/12/2023 về
việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
12/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số:
314/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh
Cửu giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Việt Q - Chức vụ: Giám đốc
Phòng xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị T – nhân
viên xử lý nợ.

Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2023.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện V, Đồng Nai.

(Bà T có mặt, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà T trình bày:

Ngân hàng TMCP K (viết tắt Ngân hàng K) và bà Lê Thị Tuyết H có ký kết hợp đồng tín dụng để vay tiền theo giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 0022/18/TC/1082-718107 ngày 15/11/2018. Theo hợp đồng tín dụng thỏa thuận bà H vay số tiền vay là 50.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay là 22%/năm, lãi suất chậm trả là 3,5%/ số tiền chậm trả, phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày, kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi vay: hàng tháng. Các ngày trả lãi vay là ngày 5 hàng tháng; tiền lãi vay được tính bằng $(=) \text{d} \text{Dư nợ vay thực tế nhân } (x) \text{ lãi suất vay } (\%/\text{năm}) \text{ nhân } (x) \text{ lãi suất vay } (\%/\text{năm}) \text{ Số ngày vay thực tế chia } (:)365$. Trong đó, nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 01 ngày thì được tính đủ 01 ngày; kỳ hạn trả nợ gốc: Thanh toán tối thiểu so với dư nợ trong kỳ là 5%. Tỷ lệ này do K1 quy định và có thể thay đổi trong từng thời kỳ; số tiền thanh toán tối thiểu mỗi kỳ $= 5\% * (\text{dư nợ cuối kỳ} - \text{số tiền vượt mức trong kỳ} - \text{số tiền trả góp trong kỳ}) + \text{số tiền vượt hạn mức trong kỳ} + \text{số tiền trả góp trong kỳ}$; dư nợ cuối kỳ = dư nợ đầu kỳ - các khoản đã thanh toán trong kỳ + các khoản chi tiêu trong kỳ + phí + lãi.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng Ngân hàng K đã giải ngân cho bà H số tiền 152,381,314đ, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 113,350,026đ, bà H còn nợ số tiền 39,031,288đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, tính đến ngày 06/12/2021 bà H mới thanh toán được một phần nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với bà H nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Tuyết H phải thanh toán tổng số tiền 86,653,499đ. Trong nợ gốc còn lại là số tiền 39,031,288đ, lãi suất trong hạn là số tiền 23,876,405đ, lãi suất quá hạn là số tiền 21,279,806đ, phí phạt vượt hạn mức là số tiền 2,466,000đ.

- Bị đơn bà Lê Thị Tuyết H trình bày: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H không đến Tòa làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không ghi nhận được lời khai.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa:

Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tổng đạt cho đương sự, niêm yết và thông báo công khai trên thông tin đại chúng đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bà **H** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của **Ngân hàng TMCP K** được chấp nhận, nên hoàn trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ trong đơn khởi kiện, hợp đồng tín dụng và qua kết quả xác minh tại **công an xã B** thì bà **H** thể hiện bà **H** có địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai** nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có mặt. Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Theo lời trình bày của đại diện **Ngân hàng TMCP K** và tài liệu, chứng cứ có trong vụ án thể hiện: **Ngân hàng TMCP K** và bà **Lê Thị Tuyết H** có ký kết hợp đồng tín dụng để vay tiền theo giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0022/18/TC/1082-718107 ngày 15/11/2018 nên việc vay nợ giữa các bên là có thật. Theo hợp đồng tín dụng thỏa thuận bà **H** vay số tiền vay là 50.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay là 22%/năm, lãi suất chậm trả là 3,5%/ số tiền chậm trả, phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày, kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi vay: hàng tháng. Các ngày trả lãi vay là ngày 5 hàng tháng; Tiền lãi vay được tính bằng (=) $\text{Dư nợ vay thực tế nhân (x) lãi suất vay (\%/năm) nhân (x) lãi suất vay (\%/năm)}$ Số ngày vay thực tế chia (:) 365. Trong đó, nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 01 ngày thì được tính đủ 01 ngày; Kỳ hạn trả nợ gốc: Thanh toán tối thiểu so với dư nợ trong kỳ là 5%. Tỷ lệ này do **K1** quy định và có thể thay đổi trong từng thời kỳ; số tiền thanh toán tối thiểu mỗi kỳ = $5\% * (\text{dư nợ cuối kỳ} - \text{số tiền vượt mức trong kỳ} - \text{số tiền trả góp trong kỳ}) + \text{số tiền vượt hạn mức trong kỳ} + \text{số tiền trả góp trong kỳ}$; dư nợ cuối kỳ = $\text{dư nợ đầu kỳ} - \text{các khoản đã thanh toán trong kỳ} + \text{các khoản chi tiêu trong kỳ} + \text{phí} + \text{lãi}$.

2.2. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng **Ngân hàng TMCP K** đã giải ngân cho bà **H** đúng theo thỏa thuận hợp đồng hai bên ký kết. Tuy nhiên, bà **H** đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng không thực hiện trả nợ đúng cam kết tính đến ngày 29/4/2024 số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc còn lại là số tiền 39,031,288đ, lãi suất trong hạn là số tiền 23,876,405đ, lãi suất quá hạn là số tiền 21,279,806đ, phí phạt vượt hạn mức là số tiền 2,466,000đ. Tổng số tiền bà **H** còn phải thanh toán cho ngân hàng là 86,653,499đ.

2.3. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0022/18/TC/1082-718107 ngày 15/11/2018 có chữ ký của bà **Lê Thị T1** là phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà đại diện nguyên đơn cung cấp.

2.4. Tại hồ sơ không có lời trình bày của bà **H**, mặc dù Tòa án đã áp dụng nhiều biện pháp để làm việc với bà **H** đều không có kết quả như xác minh, niêm yết nhưng bà **H** vẫn không có ý kiến gì phản hồi cho Tòa án. Việc vắng mặt của bà **H** coi như bà **H** tự tước bỏ quyền trình bày tại Tòa.

2.5. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **Lê Thị Tuyết H** phải có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tổng số tiền là 86,653,499đ là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của **Ngân hàng TMCP K** được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại **Ngân hàng TMCP K** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.741.803đ tại biên lai thu tiền số 0009087 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Buộc bà **Lê Thị Tuyết H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.332.675đ.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91; 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên buộc bà **Lê Thị Tuyết H** phải có trách nhiệm phải trả cho **Ngân hàng TMCP K** số tiền là 86,653,499đ (tám mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc còn lại là số tiền 39,031,288đ (ba mươi chín triệu không trăm ba mươi một nghìn hai trăm tám mươi tám đồng), lãi suất trong hạn là số tiền 23,876,405đ (hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm linh năm đồng), lãi suất quá hạn là số tiền 21,279,806đ (hai mươi một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm linh sáu đồng), phí phạt vượt hạn mức là số tiền 2,466,000đ (hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/5/2024), bà **H** còn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí: Bà **Lê Thị Tuyết H** phải chịu 4.332.675đ (bốn triệu ba trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại **Ngân hàng TMCP K** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.741.803đ (một triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn tám trăm linh ba đồng) tại biên lai thu tiền số 0009087 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà **Lê Thị Tuyết H** vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND tỉnh ĐN;
- THADS H. Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn